

Bản án số: 64/2022/HS-ST

Ngày : 01-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam, bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Vương Khả Nhật Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn B**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1986, tại Thanh Hóa; giới tính: Nam; NĐKHKT: Thôn 1, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 83 đường Lý Thường Kiệt, Phường 1, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn Hoạch và bà: Trần Thị Minh; vợ: Nguyễn Thị Như Thủy; tiền án, tiền sự: Không; Nhân Thân: Ngày 04/8/2008 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 270/2008/HSST; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2021 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1974; trú tại: Số M, đường N, Phường Y, TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1986; trú tại: Số K đường Đ, phường L, TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1972; trú tại: Số I, đường N, phường B', TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1987; trú tại: Số H đường C Phường X, TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.

5. Chị Đặng Thị L, sinh năm 1970; trú tại: Hẻm số K đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng, vắng mặt.
6. Chị Tống Thị Gi, sinh năm 1965; trú tại: Số S đường T, phường B', TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
7. Chị Trần Huỳnh K, sinh năm 1986; trú tại: Lô V,K, khách sạn Th, Phường X, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1969; trú tại: Số M đường L, Thôn B, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
9. Chị Võ Thị Minh Ng, sinh năm 1960; trú tại: Số A đường L, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
10. Chị Phạm Nguyễn Như Q, sinh năm 1991; trú tại: Số 1D đường L, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
11. Bà Trần Thị X, sinh năm 1951; trú tại: Thôn C, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
12. Chị Đỗ Thị Minh H, sinh năm 1989; trú tại: Số C, đường P, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
13. Chị Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm 1969; trú tại: Tổ B, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
14. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1975; trú tại: Số J, đường P, Phường X, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, Lê Văn B, HKTT: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa một mình từ Thanh Hóa đến thành phố B để làm ăn. Vào khoảng đầu năm 2021, B bắt đầu làm công việc cho vay lấy tiền lãi trên địa bàn TP. B. Để có khách tìm đến vay B in nhiều tờ rơi quảng cáo trong đó có ghi số điện thoại của B rồi rải khắp các con đường trên địa bàn TP. B để người vay liên hệ với B. Khi người vay tiền có nhu cầu vay tiền thì liên lạc với B, sau đó B đến nhà để xác minh nhà cửa rồi mới thỏa thuận cho vay. Sau khi thỏa thuận đồng ý vay thì B lấy chứng minh nhân dân hoặc hộ khẩu của người vay, yêu cầu người vay viết giấy vay tiền đưa cho B rồi B mới đưa tiền cho người vay. Về hình thức đóng tiền góp, tiền lãi thì hàng ngày người vay đến trực tiếp nhà của B ở địa chỉ số X, đường L, Phường H, thành phố B để đưa tiền trực tiếp cho B hoặc chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng Sacombank số 050081547995 của B. B cho vay với số tiền thấp nhất là 4.000.000 đồng, nhiều nhất là 70.000.000 đồng với hình thức cho vay là “góp ngày” và “lãi đứng”, mỗi dây góp bình quân là 25 ngày, mỗi ngày người vay phải trả số tiền 50.000 đồng/1 triệu/ ngày bao gồm cả gốc và lãi, đối với hình thức vay “lãi đứng” thì người vay phải trả lãi một ngày từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng

tùy từng khoản vay. Khi cho vay, B yêu cầu người vay viết giấy mượn tiền với nội dung: Họ tên, năm sinh, hộ khẩu thường trú và số tiền vay, số ngày vay, có chữ ký xác nhận của hai bên ở dưới nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất thỏa thuận đối với khoản tiền vay mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với người vay về số tiền phải trả. Giấy vay tiền chỉ lập thành 01 bản do B giữ. Quá trình cho vay B thu phí của người vay từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng tùy theo số tiền vay. Một mình B bỏ vốn cho vay và trực tiếp đi thu tiền lãi. B quản lý việc cho vay bằng một cuốn vở có kẻ ô li để theo dõi việc đóng tiền của người vay.

Quá trình làm việc, xác định trong khoảng thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 11/2021 đã cho 15 người vay trên địa bàn thành phố B. Hiện đã xác minh và làm việc được với 14 người vay, cụ thể:

1. Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1972; HKTT: M, đường P, phường B', thành phố B; chỗ ở: Số C, đường P, phường B', thành phố B, tỉnh Lâm Đồng:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021, D vay tiền của B 04 lần, với tổng số tiền vay là 16.000.000 đồng, hình thức trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 21/9/2021, D vay của B số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 200.000 đồng, D đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 2: Vào ngày 08/10/2021, D vay B số tiền 4.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, thu phí 200.000 đồng, D đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 3: Vào ngày 25/10/2021, D vay B số tiền 4.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, thu phí 200.000 đồng, D đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 4: Vào ngày 13/11/2021, D vay B số tiền 4.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, thu phí 200.000 đồng, D đã trả được 07 ngày, hiện còn nợ B số tiền 3.600.000 đồng.

Qua 04 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của D trên thực tế là 3,280,000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 179.126 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, lãi bất chính số tiền 3.100.274 đồng, thu phí 800.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 3.900.274 đồng. Chị D còn nợ số tiền 3.600.000 đồng.

2. Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1975, HKTT: C, Xóm Chiếu, Phường N, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số K đường P, Phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng

Vào ngày 19/11/2021 B cho chị Ch vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 13 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, thu phí 300.000 đồng, chị Ch mới trả cho B 01 ngày góp, còn nợ lại số tiền 6.000.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của chị Ch trên thực tế là 115.385 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 2.740 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 112.645 đồng, thu phí 300.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 412.645 đồng. Chị Ch còn nợ số tiền 6.000.000 đồng.

3. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1987, HKTT: Thôn N, xã L, huyện B, chỗ ở: Số V đường C, Phường X, thành phố B, Lâm Đồng

Trong tháng 11/2021, chị H vay tiền của B 02 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, hình thức trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 10/11/2021, chị H vay của B số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 250.000 đồng, chị H đã trả góp được 10 ngày, còn nợ lại B số tiền 3.750.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 16/11/2021, chị H vay B số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, chị H đã trả góp được 04 ngày, còn nợ lại B số tiền 5.250.000 đồng.

Qua 02 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của H trên thực tế là 700.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 36.164 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 823.826 đồng, thu phí 500.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 1.161.644 đồng. Chị H còn nợ lại B số tiền 9.000.000 đồng.

4. Đặng Thị L, sinh năm: 1970, HKTT: Hẻm Y đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 11/2021, chị L vay tiền của B 02 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng, hình thức vay trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 13/9/2021, chị L vay của B số tiền 25.000.000 đồng, trả góp trong vòng 60 ngày, mỗi ngày trả 625.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 2.000.000 đồng, chị L đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 2: Vào ngày 03/11/2021, chị L vay B số tiền 25.000.000 đồng, trả góp 60 ngày, mỗi ngày trả 625.000 đồng, thu phí 2.000.000 đồng, chị L đã trả được 16 ngày, hiện còn nợ B số tiền 27.500.000 đồng.

Qua 02 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của chị L trên thực tế là 15.833.333 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 1.041.096 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 14.792.237 đồng, thu phí 4.000.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 18.792.237 đồng. Chị L còn nợ lại số tiền 27.500.000 đồng.

5. Tổng Thị Gi, sinh năm: 1965, HKTT: Số K đường T, phường B', thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 18/11/2021 B cho bà Gi vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 750.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, bà Gi mới trả cho B 02 ngày góp, còn nợ lại số tiền 17.250.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của bà Gi trên thực tế là 300.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 16.438 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 283.562 đồng, thu phí 250.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 533.562 đồng. Bà Gi còn nợ lại số tiền 17.250.000 đồng.

6. Trần Huỳnh K, sinh năm: 1986, HKTT: Thôn Đ, xã L, thành phố B; chỗ ở: Lô X,Y CH1B, khách sạn T, Phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021, chị K vay tiền của B 05 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, hình thức trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 01/8/2021, chị K vay của B số tiền 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 500.000 đồng, chị K đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 2: Vào ngày 19/8/2021, chị K vay B số tiền 10.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, chị K đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 3: Vào ngày 05/9/2021, chị K vay B số tiền 10.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, thu phí 500.000 đồng, chị K đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 4: Vào ngày 04/10/2021, chị K vay B số tiền 20.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng, thu phí 100.000 đồng, chị K đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 5: Vào ngày 20/10/2021, chị K vay B số tiền 20.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng, thu phí 100.000 đồng, chị K đã trả được 13 ngày, hiện còn nợ B số tiền 12.000.000 đồng.

Qua 05 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của chị K trên thực tế là 15.100.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 827.397 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 14.272.603 đồng, thu phí 3.500.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 17.772.603 đồng.

7. Võ Thị Minh Ng, sinh năm: 1960, HKTT: Số A, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021, bà Ng vay tiền của B 02 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, hình thức trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 17/10/2021, bà Ng vay của B số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 1.000.000 đồng, bà Ng đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 2: Vào ngày 08/11/2021, bà Ng vay B số tiền 20.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, thu phí 1.000.000 đồng, bà Ng đã trả được 11 ngày, hiện còn nợ B số tiền 14.000.000 đồng.

Qua 02 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của bà Ng trên thực tế là 7.200.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 394.521 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 5.805.479 đồng, thu phí 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 8.805.479 đồng. Hiện bà Ng còn nợ B số tiền 14.000.000 đồng.

8. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1969; HKTT: Số Y, đường L, Thôn X, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 12/11/2021 B cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 1.000.000 đồng, thu phí 1.000.000 đồng, bà L mới trả cho B 07 ngày góp, còn nợ lại số tiền 18.000.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của bà L trên thực tế là 1.400.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 76.712 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 1.323.288 đồng, thu phí 1.000.000 đồng thu lợi bất chính với số tiền 2.323.288 đồng.

9. Hoàng Thị Ngọc Á, sinh năm: 1969; HKTT: Tổ B, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 30/10/2021 B cho chị Á vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 250.000 đồng, thu phí 250.000 đồng, chị Á trả cho B 21 ngày góp, còn nợ lại số tiền 1.000.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của chị Á trên thực tế là 1.050.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 57.534 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 992.466 đồng, thu phí 250.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 1.242.466 đồng. Chị Á còn nợ B số tiền 1.000.000 đồng.

10. Phạm Nguyễn Như Q, sinh năm: 1991, HKTT: Số E, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 11/2021, Chị Q vay tiền của B 02 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng, hình thức trả góp theo ngày, cụ thể:

- Lần 1: Vào ngày 22/10/2021, chị Q vay của B số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 21 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, đóng phí 300.000 đồng, chị Q đã trả hết ở lần vay này.

- Lần 2: Vào ngày 07/11/2021, chị Q vay B số tiền 5.000.000 đồng, trả góp 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, thu phí 300.000 đồng, chị Q đã trả được 13 ngày, hiện còn nợ B số tiền 3.000.000 đồng.

Qua 02 lần vay, tổng số tiền lãi B đã thu của chị Q trên thực tế là 2.250.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 79.452 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, lãi bất chính số tiền 2.170.548 đồng, thu phí 600.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 2.770.548 đồng.

11. Trần Thị X, sinh năm: 1951, HKTT: Thôn M, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 18/11/2021 B cho chị X vay số tiền 5.000.000 đồng, trả góp trong vòng 13 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, không thu phí, chị X trả cho B 02 ngày góp, còn nợ lại số tiền 5.500.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của chị X trên thực tế là 230.769 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 5.479 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 225.290 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 225.290 đồng. Chị X còn nợ B số tiền 5.500.000 đồng.

12. Đỗ Thị Minh H, sinh năm: 1989, HKTT: Số nhà K đường P, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 27/10/2021 B cho chị H vay số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng cả gốc và lãi, thu phí 200.000 đồng, chị H đã trả hết ở lần vay này.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của chị H trên thực tế là 1.000.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 54.795 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 9,13 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lãi bất chính số tiền 945.205 đồng, thu phí 200.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 1.145.205 đồng.

13. Nguyễn Thị Bé B, sinh năm: 1974, HKTT: Số X, đường N, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 18/11/2021 B cho chị B vay số tiền 10.000.000 đồng, theo hình thức lãi đứng, mỗi ngày trả lãi 100.000 đồng, chị B đã trả lãi được 16 ngày, còn nợ lại số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của chị B trên thực tế là 1.600.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 87.671 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần

so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lợi bất chính với số tiền 1.512.329 đồng. Chị B còn nợ B số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

14. Nguyễn Thành Tr, sinh năm: 1986; HKTT: Số K đường Đ, phường L thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Vào ngày 14/7/2021 B cho anh Tr vay số tiền 70.000.000 đồng, theo hình thức lãi đứng, mỗi ngày trả lãi 200.000 đồng, anh Tr đã trả lãi được 130 ngày, còn nợ lại số tiền gốc là 70.000.000 đồng.

Ở lần vay này, số tiền lãi B đã thu của anh Tr trên thực tế là 26.000.000 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 4.986.301 đồng). B đã thu với lãi suất gấp 5,21 lần so với lãi suất được hưởng theo quy định, thu lợi bất chính số tiền 21.013.699 đồng. Anh Tr còn nợ B số tiền gốc là 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, B còn cho 01 người vay tiền (hiện chưa làm việc được) trên địa bàn TP. B, cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 09/2021 B cho Trần Hoàng Đ vay tiền 02 lần với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, hình thức lãi đứng.

Lần 1: Vào tháng 08/2021, Đ vay B số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 90 ngày, lãi 5.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Khi đưa tiền B tính lãi 10 ngày đầu tiên và chỉ đưa cho Đ số tiền 9.500.000 đồng. Hiện Đ vẫn còn nợ B số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Lần 2: Vào tháng 09/2021, Đ vay B số tiền 10.000.000 đồng, trả trong vòng 90 ngày, lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Khi đưa tiền B tính lãi 10 ngày đầu tiên và chỉ đưa cho Đ số tiền 9.500.000 đồng. Hiện Đ vẫn còn nợ B số tiền gốc 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào quy định của Ngân Hàng nhà nước tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn về cách tính lãi suất xác định: Trong năm 2021, Lê Văn B đã cho 15 người vay trên địa bàn TP. B với tổng số tiền cho vay là 350.000.000 đồng, thu lãi với số tiền 76.759.487 đồng (trong đó lãi được hưởng theo quy định là 7.971.507 đồng). B đã thu với lãi suất từ 104,29% đến 365,00%, gấp 5,21 đến 18,25 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 bộ luật dân sự, thu phí 13.400.000 đồng, thu lãi bất chính số tiền 68.787.980 đồng, thu lợi bất chính số tiền 82.187.980 đồng.

Trong đó, tổng số tiền B cho 14 người trên địa bàn thành phố B vay (đã làm việc được) là 330.000.000 đồng, thu lãi số tiền 75.759.487 (trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 7.861.918 đồng), thu phí 13.400.000 đồng, thu lãi bất chính 67.897.569 đồng và thu lợi bất chính số tiền là 81.297.570 đồng. Hiện số tiền những người vay còn nợ của B là 196.850.000 đồng.

Vật chứng: Quá trình điều tra đã tạm giữ và trả lại cho Lê Văn B số tài sản gồm:

- 01 xe mô tô BS: 81B1-837.14, nhãn hiệu Honda Future, màu sơn xám ghi;

- 01 xe mô tô BS: 36B6-546.99, nhãn hiệu Honda SH150i, màu sơn đỏ đen;
- 01 xe mô tô BS: 49K1-179.88, nhãn hiệu Honda Superdream, màu sơn nâu;
- 01 xe mô tô BS: 49K1-484.04, nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đen;

Hiện Cơ quan CSDDT Công an TP. B đang tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam;
- 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có số 9704032493343415;
- Số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).
- 15 (mười lăm) tờ giấy hình chữ nhật có kích thước 8,8cm x 5,2cm bên trên có ghi: “Cho mượn tiền góp, thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày, chỉ cần CMND&hộ khẩu, SĐT: 084.536.1234; 260 (hai trăm sáu mươi) tờ giấy hình chữ nhật có kích thước 8,8cm x 5,2cm, bên trên có ghi: “Cho mượn tiền góp, thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày, chỉ cần CMND&hộ khẩu, SĐT: 0942.788.321” được kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiếu nại đối với nội D bản cáo trạng. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKS.BL ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong khoảng thời gian từ 4/2021 đến tháng 11/2021 tại địa bàn TP. B, tỉnh Lâm Đồng, Lê Văn B đã sử dụng số tiền gốc 350.000.000 đồng, cho 15 người vay tiền theo hình thức vay góp ngày và lãi đứng trên địa bàn thành phố B, thu lãi với số tiền 76.759.487 đồng (Trong đó lãi được hưởng theo quy định là 7.971.507 đồng). B đã thu với lãi suất từ 104,29% đến 365,00%, gấp 5,21 đến 18,25 lần so với lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu phí 13.400.000 đồng, thu lãi bất chính số tiền 68.787.980 đồng, thu lợi bất chính số tiền 82.187.980 đồng. Trong đó, tổng số tiền B cho 14 người trên địa bàn thành phố B vay (Đã làm việc được) là 330.000.000 đồng, thu lãi số tiền 75.759.487 (Trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 7.861.918 đồng), thu phí 13.400.000 đồng, thu lãi bất chính 67.897.569 đồng và thu lợi bất chính số tiền là 81.297.570 đồng. Hiện số tiền những người vay còn nợ của B là 196.850.000 đồng.

Hành vi của Lê Văn B đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước và gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Bộ luật Hình sự, xử

phạt bị cáo B từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Buộc bị cáo B nộp khoản tiền dùng để cho vay đã thu được; khoản tiền thu lợi bất chính; khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người vay không yêu cầu được nhận lại, sung vào ngân sách Nhà nước; buộc những người vay có nghĩa vụ nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo B để sung vào ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam. Trả lại cho bị cáo B: 01 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank có số 9704032493343415; số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo B chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ xác định tội: Trong khoảng thời gian từ 4/2021 đến tháng 11/2021 tại địa bàn TP. B, tỉnh Lâm Đồng, Lê Văn B đã sử dụng số tiền gốc là 330.000.000 đồng, cho 14 người vay, thu lãi số tiền 75.148.877 (Trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 7.845.426 đồng, lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 67.303.451 đồng), thu phí 13.400.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 88.458.877 đồng. Hiện số tiền những người vay còn nợ của B là 196.850.000 đồng. Đối chiếu lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo B đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015;

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai

báo; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Đối với loại tội phạm này cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo đã thu về là 133.150.000 đồng cần buộc bị cáo nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính gồm: Khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 7.845.426 đồng; khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo phải trả lại cho 13 người vay, nhưng những người này không đồng ý nhận là 67.303.451 đồng; tiền thu phí 13.400.000 đồng. Tổng cộng: 88.548.877 đồng, buộc bị cáo nộp sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 13 người vay còn nợ của bị cáo là 196.850.000 đồng gồm: Nguyễn Thị Ngọc D 3.600.000 đồng; Nguyễn Thị Ch 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bích H 9.000.000 đồng; Đặng Thị L 27.500.000 đồng; Tống Thị Gi 17.250.000 đồng; Trần Huỳnh K 12.000.000 đồng; Võ Thị Minh Ng 14.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thùy L 18.000.000 đồng; Phạm Như Q 3.000.000 đồng; Trần Thị X 5.500.000 đồng; Hoàng Thị Ngọc Á 1.000.000 đồng; Nguyễn Thành Tr 70.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bé B 10.000.000 đồng cần truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, có số 9704032493343415 và số tiền 19.000.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 19.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án..

Đối với: 15 (Mười lăm) tờ giấy hình chữ nhật có kích thước 8,8cm x 5,2cm bên trên có ghi: “Cho mượn tiền góp, thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày, chỉ cần CMND&hộ khẩu, SĐT: 084.536.1234; 260 (hai trăm sáu mươi) tờ giấy hình chữ nhật có kích thước 8,8cm x 5,2cm, bên trên có ghi: “Cho mượn tiền góp, thủ tục đơn giản, giải ngân trong ngày, chỉ cần CMND&hộ khẩu, SĐT: 0942.788.321”, là chứng cứ được kèm theo hồ sơ vụ án nên không đề cập giải quyết.

[7]. Ngoài 14 trường hợp vay tiền đã làm việc được ở trên, Lê Văn B còn cho 02 người khác vay tiền gồm: Trần Hoàng Đ và Nguyễn Thị Ngh. Hiện Cơ quan CSĐT Công an TP. B chưa làm việc được với Đ để xác định có hay không việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan CSĐT Công an TP. B đã tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý vay ở địa bàn huyện B do đó Cơ quan CSĐT Công an TP. B đã gửi thông tin về tội phạm đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố Lê Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn B số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo B nộp số tiền 221.698.877đ (Hai trăm hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền những người vay còn nợ tiền của bị cáo B là 196.850.000đ (Một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), gồm: Nguyễn Thị Ngọc D 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng); Nguyễn Thị Ch 6.000.000đ (Sáu triệu đồng); Nguyễn Thị Bích H 9.000.000đ (Chín triệu đồng); Đặng Thị L 27.500.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng); Tống Thị Gi 17.250.000đ (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng); Trần Huỳnh K 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng); Võ Thị Minh Ng 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng); Nguyễn Thị Thùy L 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng); Phạm Như Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng); Trần Thị X 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng); Hoàng Thị Ngọc Á 1.000.000đ (Một triệu đồng); Nguyễn Thành Tr 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); Nguyễn Thị Bé B 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình Sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam;

Trả lại cho bị cáo B: 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank, có số 9704032493343415;

Trả lại cho bị cáo B số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/4/2022 và giấy ủy nhiệm chi ngày 12/4/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. B và Cơ quan Thi hành án dân sự TP. B).

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo B phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nội nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP Bảo Lộc;
- Công an TP. B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự tp Bảo Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục T.H.A dân sự tp Bảo Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

